

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ THÁI HOÀ  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06/03/2018

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ  
*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Phùng Thị Hương Giang*

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Nguyễn Thanh Tùng

2. Ông: Ngô Sỹ Lượng

*Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân Thị xã Thái Hoà - Tỉnh Nghệ An.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.*

Ngày 06 tháng 03 năm 2018, tại Phòng xử án Toà án nhân dân Thị xã Thái Hoà tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 147/2017/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017, về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1978 (Có mặt)*

*Bị đơn: Anh Ngô Văn S, sinh năm 1972 (Vắng mặt không có lý do)*

*Đều trú tại: Xóm A, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 13/11/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N và anh Ngô Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 23/11/2006 tại UBND xã N, huyện N (nay là thị xã T) tỉnh Nghệ an. Sau thời gian kết hôn chị N và anh S chung sống bình thường và có hai con chung. Đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S thường xuyên uống rượu về chửi bới, xúc phạm đến chị N. Chị đã tìm nhiều biện pháp để khắc phục tình cảm vợ chồng cũng như khuyên bảo anh S nhưng anh S vẫn không thay đổi được. Hiện tại chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa chị và anh S đã sống ly thân một năm nay, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con cái: Chị và anh S có hai con chung là Ngô Văn T1, sinh ngày 20/4/1997 và Ngô Văn T2, sinh ngày 10/9/2006. Hiện nay con chung Ngô Văn T1 đã trưởng thành, tạo lập cuộc sống riêng nên chị không yêu cầu giải quyết. Còn con chung Ngô Văn T2 chưa đủ tuổi trưởng thành nên chị có nguyện vọng xin được nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh S, nhưng anh S từ chối và cũng đã triệu tập và tổng đạt hợp lệ anh S đến Tòa án nhiều lần để làm việc, thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng anh S không chấp hành và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình, đồng thời tại các phiên tòa lần thứ nhất, lần thứ hai bị đơn anh S đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi nghị án thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng. Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Những người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn anh Ngô Văn S từ khi thụ lý vụ án cho đến lần xét xử lần thứ hai đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm về giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng điều 28; điều 35; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51 các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình:

- Về quan hệ hôn nhân: Do tình trạng hôn nhân giữa chị Bùi Thị N và anh Ngô Văn S đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên đề

ngợi Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị N. Xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Ngô Văn S.

- Về con cái: Giao con chung là Ngô Văn T2, sinh ngày 10/9/2006 cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu, nên hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh S.

- Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng không xem xét.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Ngô Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào nội dung đơn xin ly hôn cũng như các tài liệu, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay của chị Bùi Thị N thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh S là hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau thời gian kết hôn chị N và anh S chung sống bình thường và có hai con chung. Đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S thường xuyên uống rượu về chửi bới, xúc phạm đến chị N. Chị N đã tìm nhiều biện pháp để khắc phục tình cảm vợ chồng cũng như khuyên bảo anh S nhưng anh S vẫn không thay đổi được. Hiện tại chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa chị và anh S đã sống ly thân một năm nay, nên chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án và giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án mặc dù anh S đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ nhiều lần đến Tòa để làm việc, thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng anh S không chấp hành và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Đồng thời tại phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai anh S đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ vì theo lời trình bày của chị N cũng như biên bản xác minh tại nơi cư

trú thấy rằng mâu thuẫn giữa các bên ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, các bên đã có thời gian dài sống ly thân. Nay chị N không còn tình cảm với anh S, cuộc sống vợ chồng không còn ai quan tâm đến ai. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn với anh S là hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của chị N và phù hợp với điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con cái: Chị N và anh S có hai con chung, nay con chung Ngô Văn T1, sinh ngày 20/4/1997 đã trưởng thành, tạo lập cuộc sống riêng, nên chị N không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập xem xét. Còn con chung Ngô Văn T2, sinh ngày 10/9/2006 chưa đủ tuổi thành niên và chị N có nguyện vọng được nuôi con chung. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị N thấy rằng anh S không đến tòa để tham gia tố tụng, từ bỏ quyền lợi của mình, đồng thời theo bản tự khai của con chung Ngô Văn T2 thể hiện mong muốn được ở với mẹ. Do đó cần giao con chung Ngô Văn T2 cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của chị N và nguyện vọng của con chung cũng như phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh S.

[4] Về tài sản: Chị N không yêu cầu tòa án giải quyết, do đó hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Về án phí: Buộc chị N phải chịu án phí LHST theo quy định của pháp luật.

***Vì các lý trên.***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điều 28; điều 35; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51 các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị N;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Ngô Văn S.

2. Việc nuôi con: Giao con chung là Ngô Văn T2, sinh ngày 10/9/2006 cho chị Bùi Thị N nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh S.

4. Về tài sản: Chị Bùi Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Ấn phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc Bùi Thị N phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006347 ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Cơ quan thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn chị N có quyền kháng cáo lên tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Bị đơn anh S vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Thái Hòa;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Nghĩa Thuận, TX Thái Hòa để ghi vào sổ hộ tịch;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phùng Thị Hoàng Giang**